

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-30



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 14 tháng 08 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Hiến	Ủy viên
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Phương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

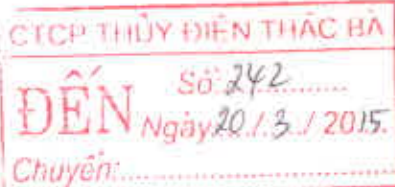
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thắng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2015



Số: 320/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán doanh nghiệp Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		498.415.832.709	410.884.761.637
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	275.153.556.209	339.638.497.004
111	1. Tiền		15.726.605.053	262.767.108.115
112	2. Các khoản tương đương tiền		259.426.951.156	76.871.388.889
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	112.593.354.050	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		112.593.354.050	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.731.998.031	60.720.586.285
131	1. Phải thu của khách hàng		85.575.658.324	26.075.817.212
132	2. Trả trước cho người bán		3.277.278.006	2.652.862.611
135	5. Các khoản phải thu khác	5	14.565.210.230	33.010.987.018
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(686.148.529)	(1.019.080.556)
140	IV. Hàng tồn kho	6	6.710.325.549	8.390.364.963
141	1. Hàng tồn kho		6.710.325.549	10.371.857.182
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.981.492.219)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.226.598.870	2.135.313.385
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	52.417.200	250.348.852
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.174.181.670	1.884.964.533
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		481.493.986.418	527.409.620.275
220	II. Tài sản cố định		448.874.986.418	494.790.620.275
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	427.916.800.669	473.266.847.024
222	- Nguyên giá		1.407.802.477.924	1.388.941.449.788
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(979.885.677.255)	(915.674.602.764)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	18.686.993.014	19.098.159.454
228	- Nguyên giá		20.558.322.400	20.558.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.871.329.386)	(1.460.162.946)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.271.192.735	2.425.613.797
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	32.619.000.000	32.619.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		32.619.000.000	32.619.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		979.909.819.127	938.294.381.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		56.772.680.049	29.984.997.475
310	I. Nợ ngắn hạn		56.772.680.049	29.984.997.475
312	2. Phải trả người bán		8.698.516.903	429.577.599
313	3. Người mua trả tiền trước		49.382.400	93.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	16.626.081.442	11.075.501.802
315	5. Phải trả người lao động		9.389.968.736	9.163.069.352
316	6. Chi phí phải trả	14	2.256.168.516	1.495.435.959
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	18.107.370.050	6.112.137.089
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.645.192.002	1.616.275.674
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		923.137.139.078	908.309.384.437
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	923.137.139.078	908.309.384.437
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		42.155.876.721	23.057.817.779
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		97.337.748.287	93.701.261.954
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.006.979.569	6.155.588.270
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		138.636.534.501	150.394.716.434
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		979.909.819.127	938.294.381.912

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	402,15	50.989,07
- Đồng Đô la Singapore (SGD)	4.840,00	4.840,00



Lê Hồng Minh
Người lập



Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Thắng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	311.811.762.771	299.265.712.678
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		311.811.762.771	299.265.712.678
11	4. Giá vốn hàng bán	18	130.340.995.863	123.652.540.988
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		181.470.766.908	175.613.171.690
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	22.045.962.079	18.813.405.393
22	7. Chi phí tài chính	20	5.416.849	666.157.994
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	585.457.994
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	30.251.391.548	24.143.341.013
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		173.259.920.590	169.617.078.076
31	11. Thu nhập khác		299.454.775	1.167.027.663
32	12. Chi phí khác		114.242.352	554.246.283
40	13. Lợi nhuận khác		185.212.423	612.781.380
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		173.445.133.013	170.229.859.456
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	35.104.600.906	19.835.143.022
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>138.340.532.107</u>	<u>150.394.716.434</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.179	2.368


Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thắng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		173.445.133.013	170.229.859.456
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		64.945.635.373	64.714.210.849
03	- Các khoản dự phòng		(2.314.424.246)	2.984.355.550
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(1.049.988)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.055.439.679)	(18.812.355.405)
06	- Chi phí lãi vay		-	585.457.994
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		214.020.904.461	219.700.478.456
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(40.854.961.235)	19.359.023.428
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.661.531.633	825.154.453
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.757.464.228	674.392.219
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	640.915.306
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(644.343.884)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.878.203.588)	(14.450.813.648)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.064.118.000	556.440.182
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.169.039.598)	(4.369.669.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		155.601.813.901	222.291.577.512
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.211.655.120)	(7.981.749.767)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(112.593.354.050)	(74.216.828.056)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	99.280.894.990
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	23.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.056.717.710	16.934.418.235
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(110.748.291.460)	57.016.735.402
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(9.619.830.880)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.335.095.300)	(108.099.282.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(109.335.095.300)	(117.719.113.380)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(64.481.572.859)	161.589.199.534

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		339.638.497.004	178.048.247.482
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.367.936)	1.049.988
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>275.153.556.209</u>	<u>339.638.497.004</u>









Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thắng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 14 tháng 08 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 635.000.000.000 đồng; trong đó có 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CDKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất	50	năm

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/06/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện trong năm 2014 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMDTB ngày 28/06/2012 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; căn cứ hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện ngày 14/01/2015; căn cứ theo Nghị quyết số 590/NQ-HĐTV ngày 29/08/2014 của HĐTV Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thông qua phương án giá điện các Nhà máy điện của các Công ty Phát điện và Công văn số 7606/BCT-ĐTĐL ngày 20/0/2012 của Bộ Công thương về việc triển khai công tác tính toán thanh toán trong thị trường phát điện cạnh tranh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế Tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Năm 2014 Công ty đã hết giai đoạn được miễn và giảm thuế và là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi với mức thuế suất 20%.

2.17 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116

Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	132.648.268	477.984.482
Tiền gửi ngân hàng	15.593.956.785	262.289.123.633
Các khoản tương đương tiền	259.426.951.156	76.871.388.889
	275.153.556.209	339.638.497.004

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 259.426.951.156 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại Liên Việt, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt Nga, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Agribank - CN Huyện Yên Bình với lãi suất từ 4%/năm đến 6 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	112.593.354.050	-
	112.593.354.050	-

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng TMCP sau:

- Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Sở giao dịch - Phòng GD Yên Kiều gồm 02 Hợp đồng tiền gửi số 190814/THUYDIENTHACBA ngày 19/08/2014 với số tiền là 24.423.045.747 đồng, lãi suất 5,5%/năm; và Hợp đồng tiền gửi số 030914/Thuydienthacba ngày 03/09/2014 với số tiền là 42.063.308.303 đồng, lãi suất 5,5%/năm;

- Ngân hàng Liên Việt - CN Tuyên Quang bao gồm 02 Hợp đồng tiền gửi số 1712/2014/HĐTĐ-LBP.TQ ngày 17/1/2014 với số tiền là 31.490.000.000 đồng, lãi suất 5,5%/ năm; và Hợp đồng tiền gửi số 0610/2014/HĐTĐ-LBP.TQ ngày 06/10/2014 với số tiền là: 14.617.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.039.218	32.632.670
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.944.489.593	1.965.567.624
Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	2.711.392.067	1.517.945.847
Doanh thu tiền điện chưa phát hành hóa đơn	7.596.398.500	26.528.266.105
Phải thu thuế VAT do chưa phát hành hóa đơn	759.639.852	2.652.826.611
Phải thu khác	551.251.000	313.748.161
	14.565.210.230	33.010.987.018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.321.880.827	9.885.571.601
Công cụ, dụng cụ	388.444.722	486.285.581
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.981.492.219)
	<u>6.710.325.549</u>	<u>8.390.364.963</u>
7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	52.417.200	250.348.852
	<u>52.417.200</u>	<u>250.348.852</u>
8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.174.181.670	820.846.533
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.064.118.000
	<u>1.174.181.670</u>	<u>1.884.964.533</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2014	628.205.339.302	738.113.359.008	17.724.176.684	4.781.120.249	117.454.545	1.388.941.449.788					
Mua sắm	-	14.435.954.545	-	190.801.094	-	14.626.755.639					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.557.666.939	-	-	-	-	4.557.666.939					
Thanh lý, nhượng bán	(323.394.442)	-	-	-	-	(323.394.442)					
Tại ngày 31/12/2014	632.439.611.799	752.549.313.553	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.407.802.477.924					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2014	369.169.347.300	528.512.540.768	13.466.315.324	4.506.724.540	19.674.832	915.674.602.764					
Trích khấu hao	18.876.492.900	44.764.631.141	714.850.050	166.749.386	11.745.456	64.534.468.933					
Thanh lý, nhượng bán	(323.394.442)	-	-	-	-	(323.394.442)					
Tại ngày 31/12/2014	387.722.445.758	573.277.171.909	14.181.165.374	4.673.473.926	31.420.288	979.885.677.255					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2014	259.035.992.002	209.600.818.240	4.257.861.360	274.395.709	97.779.713	473.266.847.024					
Tại ngày 31/12/2014	244.717.166.041	179.272.141.644	3.543.011.310	298.447.417	86.034.257	427.916.800.669					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

329.685.880.313 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại Yên Bái với nguyên giá: 20.558.332.400 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2014 là 1.871.329.386 VND, trong đó khấu hao trong năm 2014 là 411.166.440 VND.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	972.052.125	1.930.177.838
Nhà tập thể dành cho cán bộ vận hành	-	1.369.494.545
Trường THCS Yên Bình	-	560.683.293
Trường THCS Yên Bình - Giai đoạn 2	957.027.906	-
Đầu tư thay thế MBA T2	15.024.219	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.299.140.610	495.435.959
Đại tu đập chính	-	114.018.777
Đại tu máy biến dòng 110KV năm 2013	-	126.238.087
Đại tu biến điện áp 35KV-0,2	-	55.219.417
Đại tu đường kiểm tra đập 8,16 năm 2013	-	57.430.088
Đại tu biến dòng điện 35KV-0,2	-	31.573.152
Sửa chữa lớn TSCĐ khác	-	110.956.438
Sửa chữa Hội trường lớn	497.835.138	-
Sửa chữa nhà ăn ca	500.285.472	-
Đại tu các ngăn lộ điều khiển đường dây 110KV	301.020.000	-
	<u>2.271.192.735</u>	<u>2.425.613.797</u>

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	32.619.000.000	32.619.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	32.619.000.000	32.619.000.000
	<u>32.619.000.000</u>	<u>32.619.000.000</u>

Số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2014 là 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.331.742.951	3.052.674.306
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.110.180.348	3.883.783.030
Thuế Tài nguyên	3.184.158.143	1.486.217.854
Các loại thuế khác	-	2.652.826.612
	<u>16.626.081.442</u>	<u>11.075.501.802</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.299.140.610	495.435.959
Chi phí trích trước ủng hộ xây dựng Trường THCS Yên Bình	-	1.000.000.000
Chi phí tài trợ xây dựng Trường THCS Yên Bình (Giai đoạn 2)	957.027.906	-
	<u>2.256.168.516</u>	<u>1.495.435.959</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	9.286.000	9.286.000
Kinh phí công đoàn	62.734.458	114.316.928
Bảo hiểm y tế	21.113.627	23.086.508
Bảo hiểm thất nghiệp	4.134.046	10.022.398
Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.828.097.525	53.192.825
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.018.526.400	4.233.547.580
Ứng hộ xây Trường THCS Yên Bình	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả Công ty Sài Gòn Ban Mai (60% Giá trị hợp đồng)	3.872.220.000	-
Phải trả, phải nộp khác	2.291.257.994	668.684.850
	<u>18.107.370.050</u>	<u>6.112.137.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	%		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	635.000.000.000		20.101.490.506	83.451.380.430	5.425.294.474	127.762.002.593	871.740.168.003			
Lãi trong năm	-		-	-	-	150.394.716.434	150.394.716.434			
Phân phối lợi nhuận	-		-	13.206.208.797	730.293.796	(127.762.002.593)	(113.825.500.000)			
Điều chỉnh khác (*)	-		2.956.327.273	(2.956.327.273)	-	-	-			
Tại ngày 31/12/2013	635.000.000.000		23.057.817.779	93.701.261.954	6.155.588.270	150.394.716.434	908.309.384.437			
Lãi trong năm	-		-	-	-	138.340.532.107	138.340.532.107			
Phân phối lợi nhuận 2013	-		-	22.734.545.275	3.851.391.299	(150.098.714.040)	(123.512.777.466)			
Điều chỉnh khác (*)	-		19.098.058.942	(19.098.058.942)	-	-	-			
Tại ngày 31/12/2014	635.000.000.000		42.155.876.721	97.337.748.287	10.006.979.569	138.636.534.501	923.137.139.078			

(*): Điều chỉnh tăng Vốn khác của chủ sở hữu từ Quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 1378/NQ-TĐTB-HDQT ngày 29/10/2013 của Hội đồng quản trị Công ty.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 748 / NQ - TĐTB - HDQT ngày 06 tháng 05 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	150.394.716.434
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,12%	22.734.545.275
Trích Quỹ dự phòng tài chính	2,56%	3.851.391.299
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,32%	5.000.000.000
Trích Quỹ thưởng ban điều hành và thù lao HĐQT không chuyên trách	0,27%	402.777.466
Chỉ trả cổ tức (bằng 18,6 % vốn điều lệ)	78,53%	118.110.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,20%	296.002.394



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	30,00%	190.500.000.000	30,00%	190.500.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	0,00%	-	24,00%	152.400.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	59,87%	380.198.880.000	23,97%	152.198.880.000
Vốn góp của cổ đông khác	10,13%	64.301.120.000	22,03%	139.901.120.000
	100%	635.000.000.000	100%	635.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	635.000.000.000	635.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	118.110.000.000	107.950.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	118.110.000.000	107.950.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	97.337.748.287	93.701.261.954
Quỹ dự phòng tài chính	10.006.979.569	6.155.588.270
	107.344.727.856	99.856.850.224

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	308.186.086.903	297.923.901.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.625.675.868	1.341.811.364
	311.811.762.771	299.265.712.678

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	132.174.046.014	121.673.897.914
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	148.442.068	-
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.981.492.219)	1.978.643.074
	130.340.995.863	123.652.540.988

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	20.385.639.679	17.558.355.405
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.254.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.650.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.322.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.049.988
	22.045.962.079	18.813.405.393

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	585.457.994
Chi phí tài chính khác	5.416.849	80.700.000
	5.416.849	666.157.994

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	703.826.651	1.230.877.340
Chi phí nhân công	13.105.611.475	12.211.858.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.802.570	792.161.455
Thuế, phí, lệ phí	139.555.222	157.263.209
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	(332.932.027)	1.005.712.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.991.642.840	2.176.770.413
Chi phí khác bằng tiền	10.515.884.817	6.568.697.170
	30.251.391.548	24.143.341.013

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	173.445.133.013	170.229.859.456
Các khoản điều chỉnh tăng	105.713.472	49.943.720
- Chi phí không hợp lệ	101.295.548	49.943.720
- Lãi đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền gửi ngân hàng	1.049.988	-
- Lỗ đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền gửi ngân hàng	3.367.936	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.650.000.000)	(1.049.988)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.650.000.000)	-
- Lãi đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền gửi ngân hàng	-	(1.049.988)
Tổng thu nhập tính thuế	171.900.846.485	170.278.753.188
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	37.818.186.227	42.569.688.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.982.364.821)	(22.734.545.275)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	268.779.500	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.104.600.906	19.835.143.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.883.783.030	(1.500.546.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(31.878.203.588)	(14.450.813.648)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	7.110.180.348	3.883.783.030

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	138.340.532.107	150.394.716.434
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	138.340.532.107	150.394.716.434
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.179	2.368

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.898.282.003	4.505.884.788
Chi phí nhân công	31.026.649.736	30.847.677.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.889.225.061	64.711.731.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.418.169.823	4.456.332.449
Chi phí khác bằng tiền	50.360.060.788	40.289.900.138
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	160.592.387.411	144.811.526.451

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.153.556.209	-	339.638.497.004	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.140.868.554	(686.148.529)	59.086.804.230	(1.019.080.556)
Các khoản cho vay	112.593.354.050	-	-	-
Đầu tư dài hạn	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-
	<u>520.506.778.813</u>	<u>(686.148.529)</u>	<u>431.344.301.234</u>	<u>(1.019.080.556)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			26.805.886.953	6.541.714.688
Chi phí phải trả			2.256.168.516	1.495.435.959
			<u>29.062.055.469</u>	<u>8.037.150.647</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116

Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.153.556.209	-	-	275.153.556.209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	99.454.720.025	-	-	99.454.720.025
Các khoản cho vay	112.593.354.050	-	-	112.593.354.050
Đầu tư dài hạn	-	32.619.000.000	-	32.619.000.000
	487.201.630.284	32.619.000.000	-	519.820.630.284
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	339.638.497.004	-	-	339.638.497.004
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.067.723.674	-	-	58.067.723.674
Đầu tư dài hạn	-	32.619.000.000	-	32.619.000.000
	397.706.220.678	32.619.000.000	-	430.325.220.678

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	26.805.886.953	-	-	26.805.886.953
Chi phí phải trả	2.256.168.516	-	-	2.256.168.516
	<u>29.062.055.469</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.062.055.469</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.541.714.688	-	-	6.541.714.688
Chi phí phải trả	1.495.435.959	-	-	1.495.435.959
	<u>8.037.150.647</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.037.150.647</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mỗi quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trực thuộc Tập đoàn EVN	308.186.086.903	297.923.901.314
Mua hàng			
Công ty Cổ phần điện máy REE	Cổ đồng lớn	-	504.353.727
Lãi cho vay vốn			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Trực thuộc Tập đoàn EVN	3.126.005.871	4.512.000.407

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-029) 3 884 116

Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu ủy thác quản lý vốn			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Trực thuộc Tập đoàn EVN	52.911.695.574	50.301.388.889
Phải thu tiền bán hàng			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng Tập đoàn	82.742.624.000	23.645.024.179
Phải thu khác			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng Tập đoàn	8.255.177.301	29.181.092.716
Trả trước cho người bán			
Công ty Tư vấn xây dựng điện II	Cùng Tập đoàn	-	433.617.444
Công ty Tư vấn xây dựng điện I	Cùng Tập đoàn	-	452.630.367
Tổng công ty thiết bị điện Đồng Anh	Cùng Tập đoàn	2.736.300.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.399.191.246	2.299.110.971

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Hồng Minh
Người lập



Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Thắng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2015